TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 518/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/12/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Thuỳ Trang - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2024/TLST-HN ngày 14/10/2024 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2024/QĐXX – ST ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Đặng Thị Thanh T – sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

***Bị đơn:** Trần Văn S - sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Thị Thanh T trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và anh S cưới nhau vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào tháng 3/2023. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng vài tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Hai vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh G – sinh ngày 21/7/2023. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Trần Văn S trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và chị T cưới nhau vào 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào tháng 3/2023. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng vài tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Hai vợ chồng đã ly thân từ khi chị T sinh con, từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn với tôi thì tôi đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh G – sinh ngày 21/7/2023. Khi ly hôn tôi đồng ý để cháu Trần Minh G cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Trần Minh G – sinh ngày 21/7/2023 là con tôi, tôi có làm khai sinh cho con tôi tại UBND xã E, thời gian đăng ký khai sinh khi nào tôi không biết nhưng tôi nhớ khoảng 2 -3 tháng sau khi chị T sinh bé G.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh S; Về con chung: giao cháu Nguyễn Minh G – sinh ngày 21/7/2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do anh S thường trú tại: ấp D, xã E, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị T và anh S có đơn xin vắng mặt nên Toà án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hai vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Anh S thống nhất với nguyên nhân mâu thuẫn giống như chị T đã nêu, anh và chị T ly thân từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay, nay chị T xin ly hôn với anh thì anh đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Minh G – sinh ngày 21/7/2023. Xét thấy, cháu G còn nhỏ, hiện nay đang sống chung với chị T và anh S cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi cháu G nên để đảm bảo cho cháu G phát triển ổn định về mặt vật chất lẫn tinh thần, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung, giao cháu G cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: chị T và anh S trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị T và anh S trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T là người nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, do đó, chị T sẽ chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Thanh T. Chị Đặng Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Minh G – sinh ngày 21/7/2023 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0007993 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị T đã thực hiện xong.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã E, CG,TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết Hạnh